

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Lan**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị X (S)**, sinh năm 1982. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Tiền Văn P (Văn P)**, sinh năm 1977. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M K, xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị X trình bày và yêu cầu như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh P quen biết, yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa P vào năm 2003 nhưng do không am hiểu quy định của pháp luật nên vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn. Chị và anh P chung sống tương đối hạnh phúc nhưng đến tháng 6 năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình cùng nhiều lý do khác làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không mang lại kết quả. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về con chung:* Chị và anh P có 02 người con chung tên Tiền N L, sinh ngày 04/4/2003, giới tính nữ và Tiền T Đ, sinh ngày 26/10/2012, giới nam. Khi ly hôn các con tự quyết định theo cha hay theo mẹ. Nếu con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Chị và anh P tự thỏa thuận giải quyết về phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị và anh P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tiền Văn P vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh P trình bày ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị X quen biết nhau, qua quá trình tìm hiểu vợ chồng anh tiến tới hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa P vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

- *Về con chung:* Anh và chị X có 02 người con chung tên Tiền N L, sinh ngày 04/4/2003, giới tính nữ và Tiền T Đ, sinh ngày 26/10/2012, giới nam. Khi ly hôn các con tự quyết định theo cha hay theo mẹ. Con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Anh và chị X tự thỏa thuận giải quyết về phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh và chị X không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Tiên N L có ý kiến như sau: Cha, mẹ ly hôn cháu Lam có nguyện vọng được sống với mẹ (Cao Thị X).

Tại bản tự khai cháu Tiên T Đ có ý kiến như sau: Cha, mẹ ly hôn cháu Đạt có nguyện vọng được sống với cha (Tiền Văn P).

Tại phiên tòa, chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh P. Chị X đồng ý nuôi dưỡng Tiên N L, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao Tiên T Đ cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X và anh P tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Tiền Văn P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc anh P xin được vắng mặt trong phiên xét xử là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và anh P cũng đã trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị X nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của anh P để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị X và anh P thống nhất xác nhận trước đây hai người yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa P vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ vợ chồng của chị X và anh P không được pháp luật công nhận.

Tại phiên hòa giải, mặc dù chị X và anh P thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân của chị X và anh P không được pháp

luật công nhận do không đăng ký kết hôn, nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của chị X và anh P mà căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh P.

Về con chung: Chị X và anh P có 02 người con chung tên Tiền N L, sinh ngày 04/4/2003, giới tính nữ và Tiền T Đ, sinh ngày 26/10/2012, giới nam. Chị X và anh P đều có ý kiến là khi ly hôn con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng.

Theo văn bản trình bày ý kiến thì cháu Tiền N L có nguyện vọng được sống với mẹ và cháu Tiền T Đ có nguyện vọng được sống với cha. Tại phiên tòa chị X đồng ý nuôi dưỡng Tiền N L và đồng ý giao Tiền T Đ cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của chị X và anh P để giao cháu Tiền N L cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và giao Tiền T Đ cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị X và anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Chị X và anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản, nhưng không được lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị X và anh P thống nhất tự thỏa thuận nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Chị X và anh P thống nhất không có nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Cao Thị X phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0004223 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Chị X đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị X (S) và anh Tiền Văn P (Văn P).

2. Về con chung: Giao cháu Tiền N L, sinh ngày 04/4/2003, giới tính nữ cho chị Cao Thị X trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Tiền T Đ, sinh ngày 26/10/2012, giới tính nam cho anh Tiền Văn P trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị X và anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Chị X và anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản, nhưng không được lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị X và anh P thống nhất tự thỏa thuận nên HĐXX không đề cập xem xét.

4. Về nợ chung: Chị X và anh P thống nhất không có nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Cao Thị X phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004223 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Cao Thị X có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/10/2020). Đối với anh Tiền Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Minh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh